

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
NĂM 2014**

(Kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2013		Số báo cáo năm 2014	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH					
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	Tấn	440.000	484.575,76	500.000	528.705,24
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	23.100	30.701	24.000	29.430
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng		24.786	14.879	20.032
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	3,002	-45.570	0	4,786
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	1.565	2.539	1.500	1.974
II	TIỀN LƯƠNG					
1	Lao động kế hoạch	Người	113	112	140	142
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		112,5		113
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	Tr.đồng/th				3.095
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	Tr.đồng/th	4		4,9	
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	Tr.đồng/th		4		6,3
6	Năng suất lao động bình quân (1)	Tấn/người	3.894	4.307	2.717,39	3.697,24
7	Phần chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng				
8	Quỹ thưởng an toàn và chế độ đặc thù khác (nếu có)	Tr.đồng				
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	5.472		8.233	
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		5.537		8.599,69
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng		366		
12	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/th	4	4	5,5	6,9

Ghi chú:

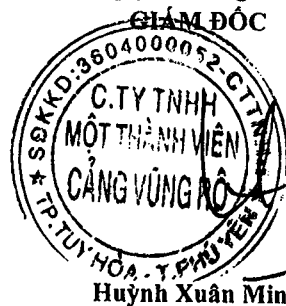
(1) năng suất lao động bình quân tính theo tổng sản lượng hàng hóa thông qua Cảng

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Phú Yên, ngày 15 tháng 03 năm 2015



BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG THỰC HIỆN NĂM 2014
của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 09/09/2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2013		Số báo cáo năm 2014	
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5	6	7
I	Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh:					
1	Tổng số vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	60.958	62.290	62.290	62.290
2	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)	Tấn	440.000	484.576	500.000	528.705
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	23.100	30.701	24.000	29.430
4	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng		30.223	14.879	20.032
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	1.565	2.539	1.500	1.974
6	Lợi nhuận	Tr.đồng	1.200	0	0	4.786
7	Năng suất lao động bình quân (1)	Trđ/năm				
	Tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách (2)					
1	Số viên chức quản lý chuyên trách (tính bình quân)	Người	3	3	4	4
2	Hạng công ty được xếp	-	Hạng 3	Hạng 3	Hạng 3	Hạng 3
3	Hệ số mức lương bình quân	-	5,21	5,21	4,91	4,91
4	Mức lương cơ bản bình quân	Tr.đồng/th	19	13	18,5	18,5
5	Hệ số tăng thêm so mức lương cơ bản (nếu có)	-				
6	Quỹ tiền lương	Tr.đồng	206	478	880	797,82
7	Mức tiền lương bình quân	Tr.đồng/th	6	13	18,5	18,5
	Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách (3)					
1	Số viên chức quản lý không chuyên trách (tính bình quân)	Người				
2	Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương	%				
3	Quỹ thù lao	Tr.đồng				
4	Mức thù lao bình quân	Tr.đồng/th				

IV Tiền thưởng, thu nhập						
1	Quỹ tiền thưởng	Tr.đồng		13		
2	Quỹ thưởng an toàn (nếu có)	Tr.đồng				
3	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách (4)	Tr.đồng/th	6	14	19,1	19,1
4	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách (5)	Tr.đồng/th				
Ghi chú:						

(1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

(2) Viên chức quản lý chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chuyên trách, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.


(3) Viên chức quản lý không chuyên trách, gồm: Chủ tịch và thành viên không chuyên trách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty không chuyên trách, Kiểm soát viên không chuyên trách.

(4) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách, gồm tiền lương, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(5) Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách, gồm thù lao, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có).

(6) Năm trước liền kề năm báo cáo tại cột số 6 và số 7.

Người lập biểu


Nguyễn Thị Ngọc Diệp

Phú Yên, ngày tháng 01 năm 2015



UBND TỈNH PHÚ YÊN
CÔNG TY TNHH MTV CẢNG VŨNG RÔ

Biểu mẫu số 3
(Thời hạn báo cáo: 31/03)

BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỜNG BÌNH QUÂN (1) NĂM 2014 của Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, kiểm soát viên
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BLĐTBXH ngày 9 tháng 9 năm 2013 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

TT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách/ không chuyên trách (2)	Hệ số mức lương	Tiền lương (trồng/tháng)		Thù lao (trồng/tháng)		Tiền thưởng (trồng/tháng)	Thu nhập (trồng/tháng) (3)
					Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện		
1	Huỳnh Xuân Minh	Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty		5.65	22	22				22.6
2	Hoàng Thanh Lâm	Phó giám đốc		4.99	18	18				18.6
3	Nguyễn Thành Hiếu	Kiểm soát viên		4.66	18	18				18.6
3	Nguyễn Thành Trí	Kế toán trưởng		4.33	16	16				16.6
	Tổng cộng				74	74				76.4

Ghi chú:

(1) tiền lương, thù lao, tiền thưởng được tính bình quân theo tháng và được lấy theo số báo cáo quyết toán của công ty và báo cáo quyết toán thuế hàng năm.

(2) Các chức danh chuyên trách hưởng tiền lương, tiền thưởng; chức danh không chuyên trách hưởng thù lao, tiền thưởng.

(3) Thu nhập của các chức danh chuyên trách gồm tiền lương, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có) và các khoản khác (thù lao đại diện vốn...); thu nhập của các chức danh không chuyên trách gồm thù lao, tiền thưởng (kể cả thưởng an toàn nếu có) và các khoản khác (nếu có).

Phú Yên, ngày 26 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ngọc Diệp



Huỳnh Xuân Minh